

Số: 1384/TM-KSBT Bình Thuận, ngày 19 tháng 9 năm 2024

THƯ MỜI YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận có nhu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm chủ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 với tổng dự toán khoảng 3 tỷ đồng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.
- Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Cách thức thức nhận báo giá (một trong các hình thức sau):
 - Nộp qua địa chỉ email: ttksbt@syt.binhthuan.gov.vn
 - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận tại địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Số điện thoại: 0252.3834.536

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 16 giờ ngày 19 tháng 9 năm 2024 đến trước 16 giờ ngày 29 tháng 9 năm 2024.
- Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
01	Máy rửa phim X-quang	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01
02	Máy dập mẫu	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01
03	Máy đo pH	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
04	Máy bao gói	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01
05	Tủ âm các loại	Theo phụ lục đính kèm	Cái	02
	5.1. Tủ âm đôi lưu cường bức Binder BF 115	Theo phụ lục đính kèm	Cái	01
	5.2. Tủ âm đôi lưu cường bức Binder BF 260	Theo phụ lục đính kèm	Cái	01
06	Nồi đun cách thủy	Theo phụ lục đính kèm	Cái	01
07	Tủ mát các loại	Theo phụ lục đính kèm	Cái	01
08	Máy đo cường độ tiếng ồn chung	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01
09	Máy đo 5 trong 1: ánh sáng, gió, nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01
10	Máy đo tia tử ngoại (tia UV)	Theo phụ lục đính kèm	Máy	01
11	Bộ thiết bị lấy mẫu bụi không khí	Theo phụ lục đính kèm	Bộ	01
12	Bộ lấy mẫu vi sinh	Theo phụ lục đính kèm	Bộ	01

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận kính mời các đơn vị có đủ khả năng, năng lực tham gia chào giá theo các yêu cầu nêu trên.

Rất mong được sự hợp tác của các đơn vị./. *Đ.V.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (Bảo cáo);
- Các Phó giám đốc TTKSBT (để biết);
- Hệ thống mạng đầu thâu quốc gia;
- Website: <https://cdcbinhthuan.vn>;
- Lưu: VT; KHNV.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Hạnh

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT THIẾT BỊ CHÀO GIÁ
(Đính kèm Thư mời số: 1384 /TM-KSBT ngày 19 tháng 9 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)

STT	Danh mục thiết bị	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy rửa phim X-quang	<p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau <p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấm cảm biến phẳng chuyên dùng cho nhũ ảnh (mamography): 01 tấm - Hộp nguồn (thiết bị đồng bộ): 01 bộ - Hệ thống phần mềm chụp và xử lý ảnh: 01 bộ - Bộ máy tính xử lý ảnh: 01 bộ - Máy in phim khô kỹ thuật số: 01 chiếc - UPS Online 2 KVA cho hệ thống: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Việt + tiếng Anh): 01 bộ <p>III. Yêu cầu tính năng kỹ thuật</p> <p>1. Tấm cảm biến phẳng chuyên dùng cho nhũ ảnh (mamography)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO13485, CE hoặc tương đương - Mục đích sử dụng: Nâng cấp X-quang nhũ ảnh kỹ thuật số - Phương thức (Modality): DR - Kiểu Cảm biến: a-Si TFT bảng thụ thể Flat Panel - Mànng nhập nháy: CsI - Khoảng cách các pixel: 76 µm - Độ phân giải: 3,072 x 2,304 (7 Mega Pixel) - Kích thước tấm nhận ảnh: 233.4 x 175.1 mm - MTF: 65 tại 3 lp/mm - Tín hiệu cơ học chuyển sang tín hiệu KTS: 16 bit - Chế độ chụp: + Tự động cảm nhận tia Xquang (chế độ AED) 	Máy	01

	<ul style="list-style-type: none"> + Bàn tay (kết nối hệ thống máy phát tia Xquang) - Chế độ hiệu chỉnh: Hiệu chỉnh tự động (chế độ AEC), hiệu chỉnh bằng tay - Phạm vi năng lượng: 40-150 kVp - Thời gian nhận hình ảnh (xem trước): 2 giây - Thời gian nhận hình ảnh và xử lý: 7~9 giây - Chu kỳ chụp: 10 giây - Giao diện trạm làm việc: Gigabit Ethernet - Cấp kết nối tới hộp nguồn: loại POE - Khả năng nâng cấp phần mềm(Firmware): Có - Môi trường hoạt động: 10~40 °C - Môi trường bảo quản: -10~50 °C - Kích thước: 267.5 x 194.5 x 14.2 (W x L x H) - Trọng lượng: 0.92 kg <p>2. Hộp nguồn (thiết bị đồng bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp điện cho cảm biến từ nguồn điện: 110~220 VAC (50,60Hz) - Hiển thị tình trạng: bằng đèn LED - Kết nối cảm biến bản phẳng với trạm làm việc <p>3. Hệ thống phần mềm chụp và xử lý ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính năng chụp và xử lý hình ảnh - Tính năng quản lý thông tin bệnh nhân - Công nghệ xử lý hình ảnh: TRUVIEW® ART do DRTECH nghiên cứu và phát triển. - Thời gian nhận hình ảnh và xử lý: 7 ~ 9 giây - DICOM: hỗ trợ chuẩn DICOM 3.0, bao gồm DICOM Print SCU, MPPS, DICOM Storage SCU và DICOM Worklist SCU. - Lưu trữ dự phòng: Hỗ trợ dự phòng với CD/DVD, Flash Disk (USB3.0) - Kết nối đa dạng máy in (giấy in ảnh, in phim khô,DICOM) <p>4. Bộ máy tính xử lý ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - CPU Intel Core i5 thế hệ 13 hoặc tương đương; RAM ≥16 GB; SSD ≥512 GB; Card VGA rời NVIDIA GeForce; Ổ đĩa CD/DVD R/W; - Màn hình LCD 23,8 inches; Độ phân giải full HD: 1920 x 1080 pixels; Tần số quét: 75 Hz hoặc tốt hơn; Thời gian 		
--	--	--	--

		<p>phản hồi 5 ms hoặc tốt hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn phím và chuột đi kèm. <p>5. Máy in phim khô kỹ thuật số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Chất lượng ảnh laser: Công nghệ True laser; 508 điểm laser/inch; Khoảng cách điểm laser 50 μ; 14bit chiều sâu. - Thông lượng: Thời gian in lần đầu: 100 giây; Tốc độ in ≥ 65 phim/giờ - Phim laser: Nền film xanh 7 triệu polyester; Thời gian lưu trữ ≥ 100 năm theo yêu cầu (cho ung thư, khoa nhi,...); In phim với chuẩn D-max 3.0. - Tự động điều khiển chất lượng ảnh - Các kích thước phim có thể lựa chọn: 14 x 17 in (35 x 43 cm); 11 x 14 in (28 x 35 cm); 10 x 12 in (25 x 30 cm); 8 x 10 in (20 x 25 cm). <p>6. UPS Online 2 KVA cho hệ thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 2000VA/1600W - Công nghệ chuyển đổi kép trực tuyến (Online double conversion) - Dải điện áp đầu vào rộng: 176 - 300V - Điện áp đầu ra: 208/220V/230V/240V ± 1 % - Tần số đầu vào: 40Hz - 70Hz, 50/60 Hz (tự động nhận) - Kết nối đầu ra tải: 6 x IEC C13 - Bao gồm: Màn hình LCD, cổng kết nối RS232/USB, có sẵn khe cắm mở rộng SNMP card - Thời gian lưu điện: ≥ 6 phút với 100% tải, có thể mở rộng thời gian lưu điện với module ắc quy ngoài - Phần mềm quản lý nguồn miễn phí - Kích thước (C x R x S): 330 x 190 x 399 mm - Khối lượng: ~24.4 kg 		
2	Máy dập mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Model: BagMixer 400SW (240V) - Hãng sản xuất: INTERSCIENCE- PHÁP - Xuất xứ: Pháp <p>1. Thông số kỹ thuật:</p>	Máy	01



		<p>Đặc điểm cấu tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy được làm bằng thép không gỉ 304L - Màn hình kỹ thuật số đa chức năng - Hoạt động siêu êm - Buồng trộn polycarbonate có ánh sáng LED với các góc tròn: dễ dàng vệ sinh - Cửa kính hai lớp - Tay cầm thuận cả hai tay - Hệ thống Total Access: mở toàn bộ cửa để vào toàn bộ buồng (đã được cấp bằng sáng chế) - Q-Tight: Áp lực 250 kg để tránh rò rỉ túi từ trên xuống - Side-by-side paddle stop - Khay hứng chống tràn - Bàn đạp Paulstra™: ổn định tuyệt vời trong quá trình đập - Độ ồn ít hơn 48 dB - Công suất pha trộn có thể điều chỉnh (đã được cấp bằng sáng chế) - Thể tích pha trộn: 50-400 mL - Tốc độ: 4, 6, 8, 10 strokes / giây - Thời gian pha trộn có thể thay đổi: 1 giây – 1 giờ hoặc ∞ / đếm ngược - LiquidSensor: báo động ánh sáng và tự động dừng quá trình trộn trong trường hợp rò rỉ túi (đã được cấp bằng sáng chế) - Mã ánh sáng hiển thị: - Màu xanh lá cây: sẵn sàng - Màu cam: pha trộn - Màu đỏ: phát hiện rò rỉ - Đèn LED trắng trong buồng pha trộn - EnergySaver: tiêu thụ ít hơn 50% năng lượng với động cơ không chổi than - Chức năng Auto Sleep: chuyển sang chế độ ngủ sau 30 mn không hoạt động - LiquidSensor: báo động ánh sáng và tự động dừng quá trình trộn trong trường hợp rò rỉ túi (đã được cấp bằng sáng chế) - Cửa sổ mở góc 270°, vách kính để quan sát bên trong - Điện áp và tần số: 100-240V ~ 50-60Hz 		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Cầu chì: T 3,15A L 240V 5×20 mm - Công suất tối đa: 55 W - Kích thước (rộng x d x h): 27,6 x 45,9 x 35,7 cm, khối lượng: 24.7 kg - Kích thước đóng gói(rộng x d x h): 56 x 41 x 50 cm, khối lượng: 28,9 kg <p>2. Cấu hình cung cấp bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 khay hứng chống tràn - 1 cáp nguồn - 1 hướng dẫn sử dụng - 1 hướng dẫn sử dụng nhanh - 1 túi máy xay 		
3	Máy đo pH	<ul style="list-style-type: none"> - Model: SevenDirect SD23 - Hãng sản xuất: Mettler Toledo (Thụy Sĩ) - Xuất xứ: Trung Quốc <p>1. Cấu hình cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 1 cái, - Điện cực đo pH Inlab Pure Pro ISM: 01 cái, - Điện cực đo độ dẫn Inlab 741 ISM: 1 cái, - Giá đỡ điện cực EasyPlace: 01 cái, - Bộ dung dịch chuẩn pH và Độ dẫn dạng gói: 01 bộ, - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ. <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <p>Thang đo; độ phân giải; độ chính xác của Máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - pH: -2.000 đến 20.000; 0.001/0.01/0.1; ± 0.002 pH - mV/ Rel.mV: -2000 đến 2000; 0.1/1; ± 0.2 mV - Độ dẫn: 0.000 μS/cm đến 2000 mS/cm; Tùy thang; ± 0.5% - TDS: 0.00 mg/L đến 1000 g/L; Tùy thang; ± 0.5% giá trị đo 	Máy	01



		<ul style="list-style-type: none"> - Độ mặn: 0.00 đến 80.00 psu; Tùy thang; $\pm 0.5\%$ giá trị đo - Điện trở: 0.00 đến 100.0 MΩcm; Tùy thang; $\pm 0.5\%$ giá trị đo - Nhiệt độ: -30.0 đến 130.0°C; 0.1; $\pm 0.1^\circ\text{C}$ (0 - 100°C) <p>3. Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng 7 inch rộng rãi, vận hành trực quan - Hiệu chuẩn pH tối đa lên đến 5 điểm, hiệu chuẩn độ dẫn 1 hoặc 2 điểm, với các dung dịch chuẩn được thiết lập sẵn và cho phép tùy chỉnh theo nhu cầu sử dụng - Hỗ trợ quản lý dữ liệu đáp ứng tiêu chuẩn GLP (thời gian, ID mẫu, ID user...) - Phân quyền 2 cấp độ (Admin và Operator) - Dễ dàng truy xuất dữ liệu qua máy in, máy tính qua phần mềm EasyDirect pH - Thiết kế chống bụi và nước đạt tiêu chuẩn IP54. 		
4	Máy bao gói	<ul style="list-style-type: none"> - Model: Quanti-Tray® Sealer PLUS - Hãng sản xuất: IDEXX - Xuất xứ: Mỹ <p>Cấu hình cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy bao gói: 1 chiếc - Buồng soi tử ngoại: 1 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt): 1 bộ <p>Thông số kỹ thuật</p> <p>IDEXX Quanti-Tray®Sealer PLUS hoạt động với nguyên tắc gia nhiệt từ đó dán kín các khay định lượng Quanti-Tray và Quanti-Tray/2000.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm thời gian gia nhiệt và vệ sinh <ul style="list-style-type: none"> + Gia nhiệt nhanh hơn đến 80%, chỉ trong 2–3 phút. + Cải thiện quy trình làm việc bằng cách dán kín từng khay nhanh hơn tới 20%. + Công việc vệ sinh trở nên đơn giản hơn với bảng điều khiển mới dễ tiếp cận. + Tiết kiệm điện hơn với các tính năng như chế độ “ngủ” và đèn LED. 	Máy	01

		<ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế bền vững, chất lượng đẳng cấp thế giới đến từ IDEXX. - Khi sử dụng cùng các bộ sản phẩm như Colilert-18, Enterolert, Pseudalert,... và khay định lượng Quanti-Tray và Quanti-Tray/2000, thiết bị cung cấp giải pháp định lượng vi sinh vật trong nước một cách nhanh chóng, chính xác và đơn giản, thao tác bán tự động. - Dễ dàng <ul style="list-style-type: none"> + Không cần chuẩn bị môi trường. + Không cần dùng pipet. - Nhanh chóng <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian thao tác chưa đến 1 phút. + Đọc kết quả chỉ sau 24 giờ hoặc ít hơn (7 ngày đối với Legiolert). + Không cần bước xác nhận thêm như phương pháp truyền thống. - Chính xác <ul style="list-style-type: none"> + Phát hiện đến tới 1 MPN/100 mL mẫu. + Độ tin cậy 95%, tốt hơn so với phương pháp MPN quy mô 5 hoặc 10 ống. + Độ tin cậy 95%, tốt hơn hoặc tương đương với lọc màng (MF). - Tiết kiệm chi phí <ul style="list-style-type: none"> + Giảm thiểu chi phí mua và bảo trì thiết bị. + Không cần mua và làm sạch dụng cụ thủy tinh. 		
5	Tủ ấm các loại (2 cái)	<p>5.1. Tủ ấm đôi lưu cường bức Binder BF 115</p> <p>Model: BF 115 Nhà sản xuất: Binder, Đức Xuất xứ: Đức</p> <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính - 02 kệ 	Cái	01

		<ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận chất lượng và xuất xứ từ Nhà sản xuất - Hướng dẫn sử dụng <p>NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi nhiệt độ: +8 ° C so với nhiệt độ môi trường đến +100 ° C - Độ chính xác nhiệt độ cao nhờ công nghệ APT.line™ - Đổi lưu cưỡng bức - Bộ điều khiển với màn hình LCD - Điều khiển cơ điện của cánh gió xả - Cửa bên trong làm bằng kính an toàn cường lực - 2 giá đỡ mạ crom - Có thể xếp chồng lên nhau - Thiết bị an toàn nhiệt độ độc lập tích hợp Class 3.1 (DIN 12880) với báo động trực quan - Thiết kế tay cầm tiện dụng - Cổng USB để ghi dữ liệu <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi nhiệt độ +8 ° C trên nhiệt độ môi trường đến [° C]: 100 - Nhiệt độ biến thiên ở 37° C [± K]: 0,3 - Nhiệt độ dao động ở 37° C [± K]: 0,1 - Thời gian làm nóng đến 37° C [phút]: 8 - Thời gian phục hồi sau 30 giây mở cửa ở 37 ° C [phút]: 3 - Điện áp [V]: 230 - Tần số nguồn [Hz]: 50/60 - Công suất danh nghĩa [kW]: 0,4 - Cầu chì đơn vị [A]: 6.3 - Pha (Điện áp danh định): 1 ~ 		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích bên trong [L]: 114 - Khối lượng tịnh của thiết bị (rỗng) [kg]: 56 - Tải trọng cho phép [kg]: 150 - Tải trọng mỗi giá [kg]: 30 - Khoảng trống tường trở lại [mm]: 160 - Khoảng sáng gầm tường [mm]: 100 - Kích thước bên trong, RxCxS [mm]: 550x550x380 - Cửa đơn vị: 1 - Kích thước tủ ở không bao gồm. phụ kiện và kết nối, RxCxS [mm]: 710x725x605 - Tiêu thụ năng lượng ở 37 ° C [Wh / h]: 60 - Mức áp suất âm thanh [dB (A)]: 43 - Đồ đạc - Số lượng kệ (std./max.): 2/5 		
		<p>5.2. Tủ ẩm đối lưu cưỡng bức Binder BF 260</p> <p>Model: BF 260 Nhà sản xuất: Binder, Đức Xuất xứ: Đức</p> <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính - 02 kệ - Chứng nhận chất lượng và xuất xứ từ Nhà sản xuất - Hướng dẫn sử dụng <p>NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi nhiệt độ: +7 ° C so với nhiệt độ môi trường đến +100 ° C - Độ chính xác nhiệt độ cao nhờ công nghệ APT.line™ - Đối lưu cưỡng bức 	Cái	01



		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ điều khiển với màn hình LCD - Điều khiển cơ điện của cánh gió xả - Cửa bên trong làm bằng kính an toàn cường lực - 2 giá đỡ mạ crom - Thiết bị an toàn nhiệt độ độc lập tích hợp Class 3.1 (DIN 12880) với báo động trực quan - Thiết kế tay cầm tiện dụng - Cổng USB để ghi dữ liệu <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi nhiệt độ +7 ° C trên nhiệt độ môi trường đến [° C]: 100 - Nhiệt độ biến thiên ở 37 ° C [± K]: 0,2 - Nhiệt độ dao động ở 37 ° C [± K]: 0,1 - Thời gian làm nóng đến 37 ° C [phút]: 7 - Thời gian phục hồi sau 30 giây mở cửa ở 37 ° C [phút]: 3 - Điện áp [V]: 230 - Tần số nguồn [Hz]: 50/60 - Công suất danh nghĩa [kW]: 0,9 - Cầu chì đơn vị [A]: 8 - Pha (Điện áp danh định): 1 ~ - Thể tích bên trong [L]: 257 - Khối lượng tịnh của thiết bị (rỗng) [kg]: 82 - Tải trọng cho phép [kg]: 270 - Tải trọng mỗi giá [kg]: 40 - Khoảng trống tường trở lại [mm]: 160 - Khoảng sáng gầm tường [mm]: 100 - Kích thước bên trong, RxCxS [mm]: 650 x 780 x 510 		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Cửa đơn vị: 1 - Kích thước tủ ở không bao gồm. phụ kiện và kết nối, RxCxS [mm]: 810 x 845 x 760 - Tiêu thụ năng lượng ở 37 ° C [Wh / h]: 65 - Mức áp suất âm thanh [dB (A)]: 43 - Đồ đạc - Số lượng kệ (std./max.): 2/8 		
6	Nồi đun cách thủy	<p>Model : WTB15 Hãng sản xuất: Memmert - Đức Xuất xứ : Đức</p> <p>CUNG CẤP BAO GỒM Máy chính: 01 Nắp thép bằng thép không gỉ: 01 Sách HDSD: 01</p> <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích: 17.1 lít - Mực chất lỏng tối thiểu: 20 mm - Mực chất lỏng tối đa: 114 mm - Kích thước trong: rộng 482 x cao 150 x sâu 277 mm - Kích thước ngoài: rộng 749 x cao 375 x sâu 349 mm - Cảm biến nhiệt: cảm biến nhiệt kỹ thuật số được gắn bên ngoài thành bể - Nhiệt độ cài đặt: °C/°F - Khoảng nhiệt độ hoạt động: ít nhất 5oC trên nhiệt độ môi trường đến 100oC (tùy thuộc vào áp suất môi trường) - Khoảng nhiệt độ cài đặt: +10 đến 100oC - Độ cài đặt: 0.1oC 	Cái	01



		<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu chuẩn: hiệu chuẩn 2 điểm - Bộ điều khiển: màn hình màu cảm ứng 3.5 inch - Bộ điều khiển: hiển thị nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực kỹ thuật số và chương trình thời gian còn lại - Kiểm soát nhiệt: + Hệ thống an toàn 2 cấp để chống quá nhiệt + Cảnh báo quá nhiệt bằng âm thanh và hình ảnh, được điều chỉnh độc lập + Bộ giới hạn nhiệt độ sẽ ngắt chế độ gia nhiệt trong trường hợp bể có sự cố - Bộ điều khiển nhiệt bằng vi xử lý PID có tích hợp hệ thống chẩn đoán báo lỗi - Gia nhiệt: bề mặt gia nhiệt lớn chống ăn mòn nằm bên ngoài bể - Hệ thống xả nước cải tiến, dễ dàng xả hết nước trong bể - Bộ điều khiển thời gian kỹ thuật số từ 1 phút đến 99 giờ 59 phút, hiển thị bằng hình ảnh và âm thanh khi kết thúc - Lòng bể sâu bằng thép không gỉ (thép không gỉ W. St. 1-4301), không có góc cạnh cho vệ sinh dễ dàng, bao gồm ống xả nước ngay giữa bể (không ảnh hưởng khi lắp đặt) - Điều kiện lắp đặt: các lỗ thoát hơi ở mặt trái và mặt sau phải không bị cản trở. Khoảng cách tường tối thiểu hai mặt bên của bể tối thiểu 100 mm và phía sau tối thiểu 150mm. Khoảng cách tối thiểu từ đỉnh của bể đến trần nhà là 750 mm - Nhiệt độ môi trường: 5 – 40oC - Độ ẩm tối đa: 80% rh, không ngưng tụ - Nguồn điện: 230 V, 50/60 Hz - Công suất: khoảng 1420 W 		
7	Tủ mát các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cần thiết: sử dụng trong xét nghiệm, nhiệt độ: từ 15 - 25 độ - Thông số kỹ thuật: <p>Kích thước bên trong: cao 160cm, rộng 100cm, sâu 50 cm, nhiệt độ sử dụng 15 đến 25 độ C, độ phân giải 0,5 độ C, cửa kính 2 cánh, thể tích 800 lít hiệu Panasonic -</p>	Cái	01

		Japan (PHCbi) tủ đời mới nhất		
8	Máy đo cường độ tiếng ồn chung	<p>*Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61672-1:2013 Loại 1 - Giao diện dễ sử dụng - Màn hình đầy màu, 2,4" - Giám sát âm thanh thời gian thực qua phần mềm PC. - Giá trị Leq với các trọng số tần số A/C/Z. - Ghi âm chính xác tiếng ồn. <p>* Thông số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình <ul style="list-style-type: none"> + Màn hình màu, 2,4 ince; 240 x 320 pixel + Độ sáng có thể điều chỉnh được & chiếu sáng ngược có thể tắt. - Độ phân giải hiển thị: 0,1 dB - Tốc độ làm mới: 0,5 giây - Các thông số đo chính: LXYp, LXYmax, LXYmin, LXeq, LXeq,T, LXeq,t, LXpeak, L5, L10, L50, L90, L95, SD, Ld, Ln, Ldn, SEL, LXE, E, TWA, Lex, 8h, LAVG, DOSE <ul style="list-style-type: none"> + X = A, C, Z + Y = F, S, I, I10 - Dải đo: 25 ~ 140 dB (143 dB C Peak) - Độ chính xác: ± 0,5 dB - Dải tần số: 10 Hz ~ 20 kHz - Trọng số tần số: A, C, Z - Trọng số thời gian: F, S, I, I10 - Thời gian tích hợp: 1 giây ~ 99 giờ 59 phút 59 giây - Ghi âm 	Máy	01

		<ul style="list-style-type: none"> + Ghi dữ liệu tiếng ồn ở định dạng MP3/WAV + Chế độ đồng bộ/kích hoạt + Tốc độ lấy mẫu: 12 kHz, 24 kHz, 48 kHz / 16 bit, 24 bit - Thời gian vận hành: tối đa 24 giờ bởi 4 pin kiềm AA (Thời gian hoạt động khác nhau tùy thuộc vào các cài đặt trên máy và loại pin) - Môi trường hoạt động <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ làm việc: -20 ~ 60°C + Độ ẩm tương đối: 20% ~ 90% - Trọng lượng: 340 g - Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị đo tiếng ồn theo TCVN 9799:2013(ISO 9612:2009) Âm học – xác định mức tiếp xúc tiếng ồn nghề nghiệp – phương pháp kỹ thuật *Cung cấp bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 1 máy chính - 1 chân gió - 1 cáp USB-C - 1 cáp RS232 - 1 bộ pin AA - 1 hướng dẫn sử dụng - 1 hộp đựng không thấm nước 		
9	Máy đo 5 trong 1: ánh sáng, gió, nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn	<ul style="list-style-type: none"> *Tính năng: đo các thông số - Nhiệt độ: - Độ ẩm tương đối: %RH - Tốc độ không khí: - Ánh sáng: - Mức âm thanh: 	Máy	01

		<p>* Thông số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 0 đến 50°C / Độ phân giải đo: 0,1°C - %RH: <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 10 đến 95 %RH / Độ phân giải đo: 0,1 %RH - Tốc độ không khí: <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 0,4 đến 30,0 m/s / Độ phân giải đo: 0,1 m/s - Ánh sáng: <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 0 đến 2.200 Lux / Độ phân giải đo: 1 Lux + Dải đo: 1.800 đến 20.000 Lux / Độ phân giải đo: 10 Lux - Mức âm thanh: <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: dải tự động 35 đến 130 dB, 3 dải: dải 1 - 35 đến 80 dB, dải 2 - 50 đến 100 dB, dải 3 - 80 đến 130 dB - Màn hình: màn hình LCD - Nhiệt độ hoạt động: 0 đến 50°C <p>*Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 máy chính - 1 pin 		
10	Máy đo tia tử ngoại (tia UV)	<p>*Tính năng: Đo bức xạ tia tử ngoại</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 0,00000008 đến 0,001 W/cm² hiệu dụng + Khoảng đo bước sóng: 180 - 400 nm <p>* Thông số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế cầm tay, gọn. + Hiển thị màn hình cảm ứng 4,3" + Tốc độ đo lên đến 100 μgiây 	Máy	01



		<ul style="list-style-type: none"> + Pin sạc tích hợp kéo dài lên đến 8 giờ - Bộ cảm biến thiết kế đặc biệt với lọc độc quyền. + Dải đo: 0,00000008 đến 0,001 W/cm² hiệu dụng. + Khoảng đo bước sóng: 180 - 400 nm - Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị đo tia tử ngoại theo QCVN 23:2016/BYT <p>*Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 máy chính - 1 bộ cảm biến - 1 hướng dẫn sử dụng - 01 valy chống sốc khi di chuyển ra hiện trường. 		
11	Bộ thiết bị lấy mẫu bụi không khí	<p>*Tính năng lấy mẫu khí lưu lượng thấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đặc điểm chính: + Phù hợp với quy định mới nhất UNI EN ISO 13137. + Tích hợp một bộ điều khiển lưu lượng cho phép điều chỉnh lưu lượng tự động thông qua một bàn phím và bao gồm bù tự động do tổn thất mang tải (bởi vì, ví dụ, tắt nghẽn lọc) + Ghi và lập trình tất cả dữ liệu lấy mẫu, với chức năng cài đặt thời gian <p>* Thông số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính + Loại bơm: màng, hai đầu + Dải hoạt động with in-line captator: 100 cc/phút ÷ 5 lít/phút + Độ chính xác: 2% - Giao diện, lưu trữ dữ liệu + Màn hình: đồ họa LED + Bàn phím + Giao diện: USB host (on Pen Drive) 	Bộ	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Các điều kiện môi trường + Các nhiệt độ hoạt động: 0oC ÷ 45oC - Điện năng + Nguồn điện: pin lithi nạp lại, không ảnh hưởng bộ nhớ khi nạp. - Các đặc điểm + Bộ nhớ: bộ nhớ dữ liệu (cho các mẫu); cổng xuất dữ liệu USB. + Trọng lượng: 460 g - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị lấy mẫu bụi không khí theo QCVN 02:2019/BYT. *Cung cấp bao gồm: - 1 máy chính - 1 hướng dẫn sử dụng - 1 báo cáo kiểm tra - 1 nguồn cấp điện - 1 lưu lượng kế cơ 0,2-6 lít/phút - 1 túi đựng máy chính (cung cấp trong nước) - 2 ống dây dài 2 m - 1 vít (cung cấp trong nước) - 1 đai ốc (cung cấp trong nước) - 1 tuốc nơ vít (cung cấp trong nước) - 50 trống giữ giấy lọc 37 mm trong, loại 2 tầng - 50 trống giữ giấy lọc 37 mm trong, loại 3 tầng - 1 cyclone bằng nhôm bao gồm giá đỡ cyclone/trống - 1 bộ phận nối hiệu chỉnh - 1 dụng cụ mở trống - 100 tấm giấy lọc PVC 37 mm, lỗ 5,0 μm 		
--	--	--	--



		<ul style="list-style-type: none"> - 100 tấm đệm bằng cellulose - 1 nhíp gấp giấy lọc bằng nhựa (cung cấp trong nước) - 1 giá để kẹp giá đỡ vào (cung cấp trong nước) - 1 Giá đỡ máy 3 chân (tripod) + túi mang giá 3 chân khi di chuyển ra hiện trường. 		
12	Bộ lấy mẫu vi sinh	<p>* Tính năng lấy mẫu vi sinh trong không khí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đặc điểm chính: Có chế độ xoay (Spin air) đa hướng đĩa thu mẫu. <p>* Thông số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy lấy mẫu đáp ứng theo các quy định của USP 797 & 1116 - Chức năng đếm ngược. - Các đĩa: 60 mm (Rodac), 90 mm - Lưu lượng không khí: 60 - 100 lít/phút - Thể tích không khí: từ 10 đến 9900 lít - Trọng lượng: 1,7 kg - Các kích thước (W x H x D): 15 x 19 x 21,5 cm - Các kích thước nắp lấy mẫu (Ø x H): 10,5 x 3 cm - Nguồn: 12 V - Màn hình: LCD - Truyền dữ liệu: tiêu chuẩn RS-232 - Truyền dữ liệu dạng: XML, CSV - Có kết nối mã vạch - Nắp có thể khử trùng để tránh lây nhiễm chéo nhau, - Có thể thay thế nắp, vật liệu nắp: nhôm hoặc inox ISUS 304. <p>*Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -1 máy chính sử dụng với các đĩa Petri 90 mm - 1 đĩa DVD chứa hướng dẫn sử dụng - 1 dây nguồn với phích cắm 	Bộ	01

		<ul style="list-style-type: none">- 1 bộ đổi điện AC- 1 clê lỗ 6 cạnh- 1 hộp đựng- Giá đỡ máy 3 chân (tripod) + túi mang giá 3 chân khi di chuyển ra hiện trường.		
--	--	--	--	--



MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [*ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá*], chúng tôi.... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	...									

(*Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế*)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày.... tháng.... năm.... [*ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày*], kể từ ngày... tháng... năm... [*ghi ngày.... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá*].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực./.

....., ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)